

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/05/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC5+RC4+RP3	7:25	1+2+19	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
2		PVD2+TD5+P1	7:25	21+1+0	0+0+0		15+3+4	0+0+0	
3		P4+P6+P4	9:25	20+2+0	0+0+0		0+2+20	0+0+0	chuyen 4 P4-P6
4		P3+PPD+PVD2	9:25	5+10+7	0+0+0		1+6+15	0+0+0	chuyen 1 P3-PPD
5		P5+PPD+RP3	11:25	1+15+5	0+0+0		1+12+9	0+0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày Rp3-3ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: RC5 - RC4 - RP3	CREW: Phong - XTrường - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

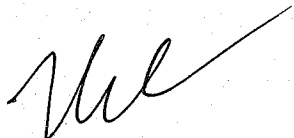
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHÙNG ĐẠI DƯƠNG	RC5	82-83	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH HÙNG	RC4	51	1	14	7	92	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ANH KIẾT	RC4	52	1	10	15	72	XAYLAP	Vietnamese
4	DUBOV A.V.	RP3	32-33	2	14	70	96	KH-THAC	Russian
5	PHẠM QUANG TRUNG	RP3	46	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THÈ PHONG	RP3	25	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
7	YSATOV D.	RP3	40	1	10		82	KH-THAC	Russian
8	POPOV A.	RP3	39	1	5		76	KH-THAC	Russian
9	BORODIN S.	RP3	37	1	10		115	KH-THAC	Russian
10	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	34	1	8		80	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	RP3	35	1	10		92	KHI	Vietnamese
12	PHẠM QUỐC KHANH	RP3	28	1	4		82	KHI	Vietnamese
13	HÀ VĂN THUY	RP3	26	1	7		71	KHI	Vietnamese
14	PHẠM VĂN KÝ	RP3	41	1	5		67	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CỨ	RP3	38	1	4		60	KHI	Vietnamese
16	HOANG VĂN HAI	RP3	27	1	6		65	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG NAM	RP3	36	1	2		65	KHI	Vietnamese
18	HÀ MINH CHÍNH	RP3	29	1	14		60	KHI	Vietnamese
19	LÊ XUÂN VIỆT ANH	RP3	30-31	2	12		67	KHI	Vietnamese
20	LÊ THANH LẬP	RP3	21-22	2	12		55	KHI	Vietnamese
21	TRẦN THANH SƠN	RP3	23-24	2	14		79	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

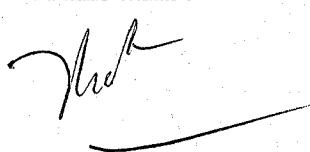
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	1	2	15	75	0	0		
2	RC4	2	2	24	164	22	0		
3	RP3	18	22	152	1.343	70	22		
TOTAL		21	26	191	1.582	92	22		
WEIGHT KG				191	1.582	92			

GRAND TOAL: 1.865 KGS

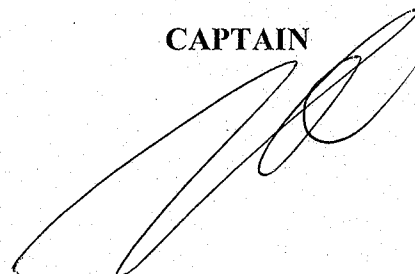
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/05/2022	TO: PVD2 - TD5 - P1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Dương - CHIẾN - Toàn	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TIỀN	PVD2	64	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
2	MAI TRUNG TIỀN	PVD2	62	1	5		65	PVDRILLIN	Vietnamese
3	TRẦN VIỆT ANH	PVD2	59-60	2	18		86	PVDRILLIN	Vietnamese
4	NGUYỄN KHÁC QUYẾT	PVD2	41	1	5		78	PVDRILLIN	Vietnamese
5	VU VĂN HÀ	PVD2	49-50	2	14		90	PVDRILLIN	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC HUY	PVD2	57-58	2	12		83	PVDRILLIN	Vietnamese
7	ĐẶNG QUỐC THAI	PVD2	47	1	7		62	PVDRILLIN	Vietnamese
8	ĐINH VĂN CHÁO	PVD2	44	1	12		75	PVDRILLIN	Vietnamese
9	PHAN ĐỨC THIÊN	PVD2	46	1	5		60	PVDRILLIN	Vietnamese
10	TRẦN HUY NINH	PVD2	56	1	7		57	PVDRILLIN	Vietnamese
11	LÊ THANH NGỌC	PVD2	52	1	10		47	PVDRILLIN	Vietnamese
12	TRẦN TUÂN NGHĨA	PVD2	42	1	5		58	PVDRILLIN	Vietnamese
13	ĐO VĂN TIỀN	PVD2	55	1	7		50	PVDRILLIN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN SANG	PVD2	48	1	5		60	PVDRILLIN	Vietnamese
15	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	PVD2	40	1	5		70	PVDRILLIN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH CHUNG	PVD2	63-64	2	18		88	PVDRILLIN	Vietnamese
17	DƯƠNG QUỐC VINH	PVD2	51	1	7		65	PVDRILLIN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HÒA 1975	PVD2	43	1	5		65	PVDRILLIN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	PVD2	45	1	5		72	PVDRILLIN	Vietnamese
20	NGÔ VĂN TIỀN	PVD2	53	1	5		55	PVDRILLIN	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH DŨNG	PVD2	54	1	5		50	PVDRILLIN	Vietnamese
22	NASSIR HUSSEIN AHMED	TD5	21	1	10	105	85	KHOAN	Yemen

FLIGHT PLAN

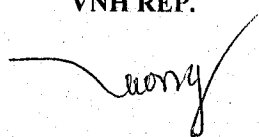
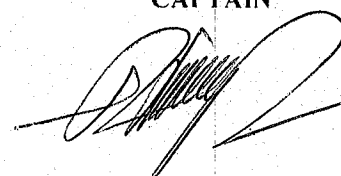
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	21	25	167	1.413	0	15	41	CHUYỂN 1 KHÁCH TỪ PVD2 SANG TD5
2	TD5	1	1	10	85	105	3		
3	P1	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	26	177	1.498	105	22		
WEIGHT KG				177	1.498	105			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 03	TO: P4 - P6 - P4.	CREW: Phong - XTrường - Huy	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZAGUDAEV VITALI	P4	77	1	10	60	115	KHI	Russian
2	SUDAKOV ALEKSANDR	P4	76	1	4		77	KHI	Russian
3	NGUYỄN VĂN NAM	P4	67	1	3		60	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	66	1	5		68	KHI	Vietnamese
5	LÊ VĂN HOÀN	P4	63	1	4		70	KHI	Vietnamese
6	PHẠM QUỐC DUY	P4	61	1	4		62	KHI	Vietnamese
7	VŨ NGỌC TUẤN	P4				40	83	KHI	Vietnamese
8	LÊ VĂN MẠNH	P4					58	KHI	Vietnamese
9	TRẦN VĂN PHÚC	P4	82	1	8		72	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	58	1	5		73	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG TUYẾN	P4	62	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN NGỌC MINH	P4	69	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	OVCHARENKO A. N.	P4	81	1	5		82	KH-THAC	Russian
14	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	65	1	8		74	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH ĐỨC	P4	68	1	8		90	KHI	Vietnamese
16	DUƠNG ĐÌNH HIỀN	P4	83	1	6		67	KHI	Vietnamese
17	LÊ QUANG VINH	P4	64	1	7		70	KHI	Vietnamese
18	PHẠM HỮU THỌ	P4	56	1	8		65	KHI	Vietnamese
19	PHẠM CÔNG ĐIỀN	P4	84	1	5	8	72	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN HỒNG	P4	57	1	3		53	PSV	Vietnamese
21	ĐÌNH QUỐC TRƯỞNG	P6	10	1	10	40	75	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	20	18	111	1.446	108	04	4	CHUYEN 4 PAX P4-P6
2	P6	1	1	10	75	40	2		
3	P4.	0	0	0	0	0	20		
TOTAL		21	19	121	1.521	148	22		
WEIGHT KG				121	1.521	148			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/05/2022	TO: P3 - PPD - PVD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Dương - CHIẾN - Toan	ETA: 11:25
XANH-2			

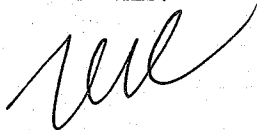
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU XUAN TAM	P3	27	1	13	55	67	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI THE DIEN	P3	28	1	10	8	68	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN MINH HOAI	P3	26	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM NGOC DINH	P3	22	1	5	10	80	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN MANH DUNG	P3	25	1	10	15	74	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN DUC QUANG	PPD	67	1	2		68	KHI	Vietnamese
7	OKOVANTSEV GENNADY	PPD	75	1	12		115	KHI	Russian
8	NGUYEN VAN NAM	PPD	70	1	5		80	KHI	Vietnamese
9	VU VAN QUYEN	PPD	73	1	6	75	70	KHI	Vietnamese
10	TRAN SON TOAN	PPD	68	1	5		75	KHI	Vietnamese
11	LE DUC THANG	PPD	66	1	5		78	KHI	Vietnamese
12	NGO SY THANH	PPD	72	1	4		88	KHI	Vietnamese
13	TRAN QUOC HUNG	PPD	69	1	5		57	KHI	Vietnamese
14	DO VAN TUAN	PPD	71	1	3		73	KHI	Vietnamese
15	TRAN HUYNH ANH PHONG	PPD	74	1	5		75	KHI	Vietnamese
16	LE VAN THANH 1982	PVD2	67	1	8		72	PVDRILLIN	Vietnamese
17	TRAN THE DANG	PVD2	65	1	8		75	PVDRILLIN	Vietnamese
18	DOAN VAN BAY	PVD2	66	1	7		61	PVDRILLIN	Vietnamese
19	NGO QUYNH HAI	PVD2	71	1	10		74	PVDRILLIN	Vietnamese
20	HA VIET HUNG	PVD2	70	1	15		70	PVDRILLIN	Vietnamese
21	PHAM HONG MINH	PVD2	72	1	18		88	PVDRILLIN	Vietnamese
22	TRAN VAN HOAN	PVD2	86,69	2	18		69	PVDRILLIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	5	5	43	360	88	1	1	CHUYEN 1 PAX P3-PPD
2	PPD	10	10	52	779	75	6		
3	PVD2	7	8	84	509	0	15		
TOTAL		22	23	179	1.648	163	22		
WEIGHT KG				179	1.648	163			

GRAND TOAL: 1.990 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:50
FLIGHT: 05	TO: P5 - PPD - RP3	CREW: QViệt - VLinH - QTrường	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐỨC THÀNH	P5	06	1	5	10	69	KH-THAC	Vietnamese
2	TRINH VAN CUONG	PPD	91	1	5		73	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN ANH TU	PPD	89	1	12		78	KHI	Vietnamese
4	TRUONG HAI HA	PPD	95	1	5		72	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN THE HUNG	PPD	90	1	5		71	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN HIEP THANH	PPD	83-84	2	15	60	81	CODIEN	Vietnamese
7	ĐO DUY TIEN	PPD	96	1	19		84	CODIEN	Vietnamese
8	LÊ TRUNG LAN	PPD	88	1	4		81	KHI	Vietnamese
9	LÊ THANH TRUNG	PPD	87	1	5		63	KHI	Vietnamese
10	ĐANG PHUC THANG	PPD	86	1	5		86	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN MINH HOANG	PPD	81	1	5		69	KHI	Vietnamese
12	ĐOAN MANH TOAN	PPD	85	1	5		85	KHI	Vietnamese
13	TRINH QUOC THANH	PPD	94	1	12		100	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC KHUYEN	PPD	80	1	4		70	KHI	Vietnamese
15	LIM HEE CHUAN	PPD	92	1	11	20	75	KHI	Myanmar
16	PHUNG VAN CHINH	PPD	82	1	5		79	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN HONG DUONG	RP3	48	1	8		70	PSV	Vietnamese
18	PHAM PHU BINH	RP3	49	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	ĐAO NGUYEN THAI ĐONG	RP3	52	1	5		57	TRUONG Y	Vietnamese
20	HOANG BA HUNG	RP3	53	1	11		58	TRUONG Y	Vietnamese
21	PHAN THANH BINH	RP3	50	1	10	12	66	TRUONG Y	Vietnamese
22	KHARITONOV	RP3	47	1	5	10	76	KHI	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	1	1	5	69	10	1		
2	PPD	15	16	117	1.167	80	12		
3	RP3	6	6	44	392	22	9		
TOTAL		22	23	166	1.628	112	22		
WEIGHT KG				166	1.628	112			

GRAND TOAL: 1.906 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN